

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lầy

Bà Bùi Thùy Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Anh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy, Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X

Nơi cư trú: Tổ 13, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc N

Nơi cư trú: Tổ 13, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt, có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01-4-2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh Trần Ngọc N kết hôn với nhau tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận K, thành phố Hải Phòng vào năm 2005 theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống tại Tổ 13, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng

không hợp nhau, bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Vợ chồng thường to tiếng, cãi nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Cách đây mấy tháng, do mâu thuẫn vợ chồng anh N đã đánh chị, do đó chị đã về nhà bố mẹ chị ở gần đó sống, từ đó vợ chồng chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Đến nay, mâu thuẫn giữa chị và anh N đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Ngọc N. Về con chung, chị và anh Trần Ngọc N có 02 con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 16-11-2005 và Trần Ngọc D, sinh ngày 09-10-2007. Cháu H hiện đang sống chung cùng với anh N, cháu D hiện đang sống chung cùng với chị. Khi ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi cháu Trần Ngọc D, để anh N nuôi cháu Trần Ngọc H đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Ngọc N đã trình bày lời khai, thể hiện: Anh thống nhất với lời trình bày của chị X về thời điểm kết hôn, về con chung, về mâu thuẫn vợ chồng, về tình trạng ly thân hiện nay giữa vợ chồng và cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị Nguyễn Thị X. Về con chung, anh không đồng ý với ý kiến của chị X là mỗi người nuôi 01 con, anh nhận nuôi cả 02 con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 16-11-2005 và Trần Ngọc D, sinh ngày 09-10-2007. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, Hải Phòng: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Trần Ngọc N. Về con chung: Giao con chung là Trần Ngọc D cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Trần Ngọc H cho anh Trần Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung do chị X và anh N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; về án phí, buộc chị Nguyễn Thị X nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Trần Ngọc N là bị đơn, hiện đang cư trú tại Tổ 13, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Do đó vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn là anh Trần Ngọc N: Anh Trần Ngọc N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Ngọc N theo yêu cầu của anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Trần Ngọc N kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 02-02-2005 theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của chị Nguyễn Thị X, anh Trần Ngọc N và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị X, anh N đã phát sinh do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau, đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể đoàn tụ được. Chị Nguyễn Thị X và anh Trần Ngọc N đều thỏa thuận tình ly hôn, do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X là có căn cứ và phù hợp pháp luật và thực tế vụ án, được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Trần Ngọc N có 02 con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 16-11-2005 và Trần Ngọc D, sinh ngày 09-10-2007. Lời khai của chị Nguyễn Thị X, anh Trần Ngọc N và tài liệu, chứng cứ thể hiện: Chị Nguyễn Thị X và anh Trần Ngọc N đều có sức khỏe tốt, có công việc, có thu nhập, không vi phạm pháp luật, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Như vậy để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, cũng như đảm bảo sự công bằng trong việc chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 71 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cho chị X, anh N, mỗi người chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp với thực tế vụ án. Căn cứ vào yêu cầu của cháu Trần Ngọc H và Trần Ngọc D, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho anh Trần Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Ngọc D cho chị Nguyễn Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị X và anh Trần Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Trần Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị X ly hôn anh Trần Ngọc N.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 16-11-2005 cho anh Trần Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 09-10-2007 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị X và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Trần Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ do chị X đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007572 ngày 16-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị X đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Trần Ngọc N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THA quận Kiến An;
- UBND phường B, quận K, Hải Phòng (ĐKKH: 02/02/2005);
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thông